

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 17/3/2022.

“V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Được.

2. Ông Bùi Hồng Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Toại– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Chí Điều– Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu T; Sinh năm 1989; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trương Minh C; Sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp A, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/01/2022 cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 16/3/2022 nguyên đơn Bà Trần Thị Thu T trình bày:

Vào năm 2008, bà T và ông C sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, bà T và ông C sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống, bà T và ông C có một người con chung tên Trương Gia H sinh ngày 11/8/2012. Hiện cháu H đang sống cùng bà T. Về tài sản chung: Không có; về nợ chung: Không có.

Nay bà Trần Thị Thu T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Trương Minh C.
- Về con chung: Bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Gia H sinh ngày 11/8/2012 và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Trương Minh C trình bày: Ông C thống nhất với lời trình bày của bà T về thời điểm chung sống, nơi đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung. Đối với yêu cầu ly hôn của bà T thì ông không đồng ý ly hôn, vì hai vợ chồng không có mâu thuẫn. Về con chung: Ông đồng ý giao cháu Trương Gia H sinh ngày 11/8/2012 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu H thành niên. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà Trần Thị Thu T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 1, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2008, bà T và ông C sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Xét thấy việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Trong đơn xin xét xử vắng mặt lập ngày 16/3/2022 bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông C. Nhận thấy hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Trương Minh C thống nhất xác định trong thời chung sống ông bà có một người con chung tên Trương Gia H sinh ngày 11/8/2012.

Xét thấy: Kể từ khi ly thân đến nay cháu H đều do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại phiên tòa ông C cũng đồng ý giao cháu H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu H. Vì vậy, nhằm đảm bảo cho sự phát triển và ổn định của cháu H, HĐXX quyết định giao cháu H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với ý kiến và nguyện vọng của cháu H.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu H thành niên.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Trương Minh C thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ông Trương Minh C phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu T được ly hôn với ông Trương Minh C.

2/ Về con chung: Giao cháu Trương Gia H sinh ngày 11/8/2012 cho Bà Trần Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trương Minh C đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm ngàn đồng) cho đến khi cháu H thành niên.

Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Trương Minh C mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thu T và ông Trương Minh C thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông bà không tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003308 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy bà T đã nộp xong án phí. Ông Trương Minh C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng: Ông Trương Minh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng).

5/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đại Ngãi, huyện L;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tăng Triều Vũ Hà